TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 549/2020/QĐST-HNGĐ	*Bình Chánh, ngày 27 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54 và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 719/2020/TLST-VHNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà TTTT, sinh năm: 1984 và ông VMT, sinh năm: 1983; Cùng địa chỉ: xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà TTTT và ông VMT đồng ý thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: có 01 con chung tên VTT, nam, sinh ngày 16/5/2012. Khi ly hôn bà T, ông T thỏa thuận giao trẻ T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Các bên đương sự trực tiếp thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 15 tây hàng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện từ ngày 15/08/2020 cho đến khi trẻ T trưởng thành đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Bà T, ông T xác nhận tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà T, ông T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà TTTT và ông VMT đồng ý thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 43, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 24/02/2010 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên VTT, nam, sinh ngày 16/5/2012. Khi ly hôn bà T, ông T thỏa thuận giao trẻ T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Các bên đương sự trực tiếp

thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 15 tây hàng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện từ ngày 15/08/2020 cho đến khi trẻ T trưởng thành đủ 18 tuổi.

Trường hợp ông T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T, ông T xác nhận tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T, ông T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà TTTT và ông VMT chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu thuận tình ly hôn nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà T, ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0079680 ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà TTTT và ông VMT đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- UBND xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Huỳnh Văn Lưới